

# TÁC ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN ĐẾN HÀNH VI VÀ TÂM LÝ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thanh Huyền

Phòng Quản lý Đào tạo - Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung

Email: huyenvy1980@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học tại Việt Nam đang được thúc đẩy mạnh mẽ theo các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 57 về chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, việc triển khai các hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến đã trở thành xu thế tất yếu. Bài viết phân tích tác động của hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến đến hành vi và tâm lý học tập của sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung. Kết quả cho thấy, bên cạnh những tác động tích cực như gia tăng tính chủ động, minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin, hệ thống này cũng làm phát sinh các vấn đề tâm lý như áp lực công nghệ, quá tải nhận thức và cảm giác cô lập trong môi trường học tập số. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp mang tính hệ thống, bao gồm giải pháp công nghệ, phát triển người học, hỗ trợ tâm lý và đổi mới quản lý đào tạo, nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số giáo dục đại học.

**Từ khóa:** chuyển đổi số, tâm lý học tập, quản lý đào tạo, sinh viên, hệ thống trực tuyến.

## THE IMPACT OF ONLINE TRAINING MANAGEMENT SYSTEMS ON STUDENTS' LEARNING BEHAVIOR AND PSYCHOLOGY

**Abstract:** In the context of higher education digital transformation in Vietnam being strongly promoted under major policies of the Party and the State, particularly Resolution No. 57 on national digital transformation and Resolution No. 71 on the development of high-quality human resources, the implementation of online training management systems has become an inevitable trend. This article analyzes the impact of online training management systems on the learning behavior and psychology of students at Viet-Hung Industrial University. The findings show that, in addition to positive impacts such as increased proactiveness, transparency, and access to information, these systems also give rise to psychological issues such as technology-related stress, cognitive overload, and feelings of isolation in the digital learning environment. On that basis, the article proposes several groups of systematic solutions, including technological solutions, learner development, psychological support, and innovation in training management, in order to enhance the effectiveness of higher education digital transformation.

**Keywords:** digital transformation, learning psychology, training management, students, online systems.

Nhận bài: 06/03/2026

Phản biện: 27/03/2026

Duyệt đăng: 31/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực chịu tác động sâu sắc nhất. Tại Việt Nam, định hướng này được khẳng định rõ trong các văn kiện quan trọng của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh mới. Các nghị quyết này không chỉ nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong đổi mới quản trị và nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn đặt ra yêu cầu phát triển con người toàn diện, có khả năng thích ứng với môi trường số.

Trong thực tiễn, các cơ sở giáo dục đại học đã và đang triển khai mạnh mẽ các hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến như hệ thống quản lý học tập (LMS), cổng thông tin sinh viên, hệ thống đăng

ký học phần và quản lý học vụ. Những hệ thống này đã góp phần thay đổi căn bản phương thức quản lý đào tạo, chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình quản trị số. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý đào tạo cũng đặt ra nhiều vấn đề mới liên quan đến hành vi và tâm lý học tập của sinh viên.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích tác động của hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến đến hành vi và tâm lý học tập của sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý luận

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp cả dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp, đồng thời áp

dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đặc thù của lĩnh vực tâm lý – giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trước hết, về dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu kế thừa và phân tích các tài liệu lý luận và chính sách liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đặc biệt là các văn kiện quan trọng như Nghị quyết số 57 về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tâm lý học tập trong môi trường số, hành vi người học và mô hình chấp nhận công nghệ cũng được tổng hợp và phân tích nhằm xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu. Việc sử dụng dữ liệu thứ cấp giúp bài viết có nền tảng học thuật vững chắc và đảm bảo tính kế thừa trong nghiên cứu khoa học.

Về dữ liệu sơ cấp, nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung nhằm thu thập thông tin về trải nghiệm sử dụng hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, mức độ hài lòng, cũng như các biểu hiện tâm lý trong quá trình học tập. Mẫu khảo sát dự kiến gồm khoảng 100–150 sinh viên thuộc các khóa và ngành đào tạo khác nhau, đảm bảo tính đại diện tương đối cho đối tượng nghiên cứu. Nội dung bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, tập trung vào các nhóm tiêu chí như: mức độ thuận tiện của hệ thống, mức độ áp lực khi sử dụng, khả năng tự chủ trong học tập và cảm nhận về sự hỗ trợ từ nhà trường.

Bên cạnh phương pháp khảo sát, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc đối với một số cán bộ quản lý và giảng viên nhằm thu thập thêm thông tin định tính về quá trình triển khai hệ thống, những khó khăn gặp phải và các giải pháp đã được áp dụng. Dữ liệu định tính này giúp làm rõ hơn các kết quả khảo sát và cung cấp góc nhìn đa chiều về vấn đề nghiên cứu.

Về phương pháp xử lý dữ liệu, các dữ liệu thu thập được tiến hành tổng hợp, phân loại và phân tích theo hướng mô tả. Các chỉ số thống kê cơ bản như tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình được sử dụng để phản ánh xu hướng chung trong hành vi và tâm lý học tập của sinh viên. Đồng thời, phương pháp phân tích so sánh và tổng hợp được áp dụng nhằm đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn, từ đó rút ra các nhận định và đề xuất giải pháp phù hợp.

Việc kết hợp giữa dữ liệu định lượng và định tính không chỉ giúp nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu mà còn cho phép tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, vừa phản ánh được xu hướng chung, vừa lý giải được nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng tâm lý trong môi trường học tập số. Đây cũng là cách tiếp cận phù hợp với đặc thù của nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý – giáo dục, nơi mà yếu tố con người đóng vai trò trung tâm.

## 2.2. Thực trạng triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến tại các trường đại học hiện nay

Trong những năm gần đây, dưới tác động của chuyển đổi số và các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 57 về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý đào tạo. Hầu hết các trường đã triển khai các hệ thống như cổng thông tin sinh viên, hệ thống quản lý học tập (LMS), đăng ký học phần trực tuyến và các nền tảng hỗ trợ giảng dạy trực tuyến. Điều này đã góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản lý và khả năng tiếp cận giáo dục.

Tuy nhiên, thực trạng triển khai cho thấy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, ở nhiều cơ sở đào tạo, các hệ thống công nghệ còn thiếu tính tích hợp, hoạt động rời rạc, dẫn đến tình trạng phân mảnh thông tin và trải nghiệm người dùng chưa đồng bộ. Sinh viên thường phải sử dụng nhiều nền tảng khác nhau để thực hiện các hoạt động học tập, từ đăng ký học phần đến truy cập tài liệu, điều này làm gia tăng gánh nặng nhận thức và giảm hiệu quả sử dụng.

Bên cạnh đó, mức độ ứng dụng công nghệ tại nhiều trường vẫn dừng lại ở việc số hóa quy trình quản lý truyền thống, chưa thực sự chuyển đổi sang mô hình quản trị số thông minh. Việc khai thác dữ liệu học tập để hỗ trợ ra quyết định, dự báo hoặc cá nhân hóa lộ trình học tập còn hạn chế. Điều này cho thấy khoảng cách giữa yêu cầu của Nghị quyết 57 về xây dựng hệ sinh thái số đồng bộ và thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục.

Dưới góc độ người học, việc học tập trong môi trường số đã tạo ra những thay đổi đáng kể về hành vi. Sinh viên có xu hướng chủ động hơn trong việc tiếp cận thông tin và quản lý quá trình học tập. Tuy nhiên, sự gia tăng tính tự chủ này

không phải lúc nào cũng đi kèm với năng lực tự điều chỉnh tương ứng. Nhiều sinh viên còn thiếu kỹ năng lập kế hoạch học tập, dẫn đến việc lựa chọn môn học thiếu hợp lý, học dồn hoặc học lệch.

Về mặt tâm lý, môi trường học tập số cũng đặt ra nhiều thách thức. Tình trạng quá tải thông tin, áp lực khi sử dụng nhiều nền tảng công nghệ, cũng như các sự cố kỹ thuật có thể gây ra hiện tượng căng thẳng công nghệ và làm gia tăng lo âu trong học tập. Đồng thời, việc giảm tương tác trực tiếp trong môi trường trực tuyến khiến một bộ phận sinh viên cảm thấy thiếu kết nối, ảnh hưởng đến động lực và sự gắn kết với nhà trường. Những vấn đề này cho thấy việc chuyển đổi số nếu chỉ tập trung vào công nghệ mà chưa quan tâm đầy đủ đến yếu tố con người sẽ khó đạt được hiệu quả bền vững, đồng thời chưa đáp ứng được mục tiêu phát triển con người toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 71.

### **2.3. Thực trạng tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hưng**

Trên nền tảng bối cảnh chung của giáo dục đại học, Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hưng đã chủ động triển khai các hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng các hệ thống như cổng thông tin sinh viên, hệ thống đăng ký học phần trực tuyến và nền tảng quản lý học tập phục vụ giảng dạy. Những nỗ lực này bước đầu đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình học tập.

Tuy nhiên, tương tự như nhiều cơ sở giáo dục đại học khác, hệ thống hiện tại vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Các nền tảng chưa được tích hợp hoàn toàn, dữ liệu chưa đồng bộ theo thời gian thực và chưa có cơ chế cá nhân hóa lộ trình học tập cho sinh viên. Điều này dẫn đến những tác động nhất định đến hành vi và tâm lý học tập. Sinh viên mặc dù có điều kiện chủ động hơn nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch học tập hợp lý, đồng thời phải đối mặt với áp lực từ việc sử dụng hệ thống công nghệ, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm như đăng ký học phần.

Ngoài ra, việc thiếu các cơ chế hỗ trợ tâm lý và hướng dẫn học tập trong môi trường số cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các vấn đề như lo âu, căng thẳng và giảm động lực học tập. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các giải

pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến tại nhà trường.

### **2.4. Giải pháp**

Trên cơ sở phân tích thực trạng triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến tại các cơ sở giáo dục đại học nói chung và tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hưng nói riêng, có thể thấy rằng những hạn chế hiện nay không chỉ xuất phát từ yếu tố công nghệ mà còn liên quan chặt chẽ đến năng lực người học và phương thức tổ chức quản lý. Do đó, việc nâng cao hiệu quả của hệ thống cần được tiếp cận theo hướng tổng thể, trong đó công nghệ, con người và quản lý đóng vai trò là ba trụ cột chính, tương ứng với định hướng chuyển đổi số toàn diện theo Nghị quyết số 57 và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71.

Trước hết, về phương diện công nghệ, cần chuyển từ mô hình triển khai các hệ thống rời rạc sang xây dựng một hệ sinh thái số tích hợp và đồng bộ. Việc liên thông các nền tảng như hệ thống quản lý học tập, đăng ký học phần và quản lý kết quả học tập sẽ không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn góp phần giảm tải nhận thức cho sinh viên. Khi thông tin được thống nhất và cập nhật theo thời gian thực, người học sẽ giảm bớt sự lo âu do thiếu nhất quán dữ liệu, đồng thời tăng cảm giác kiểm soát đối với quá trình học tập của mình. Bên cạnh đó, việc từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý đào tạo, chẳng hạn như gợi ý lộ trình học tập, phân tích dữ liệu học tập và cảnh báo sớm nguy cơ học tập, sẽ giúp chuyển đổi từ mô hình quản lý hành chính sang quản lý thông minh. Điều này không chỉ phù hợp với định hướng xây dựng hệ sinh thái số theo Nghị quyết 57 mà còn góp phần cá nhân hóa trải nghiệm học tập của sinh viên.

Thứ hai, về phát triển người học, cần đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực số và năng lực tự học của sinh viên. Thực tế cho thấy, nhiều khó khăn mà sinh viên gặp phải trong môi trường học tập trực tuyến không phải do công nghệ quá phức tạp mà do thiếu kỹ năng sử dụng và thiếu khả năng tự điều chỉnh quá trình học tập. Do đó, các cơ sở đào tạo cần tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số một cách hệ thống, từ việc sử dụng các nền tảng học tập đến kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch học tập. Đồng thời, cần phát triển mô hình cố vấn học tập theo hướng cá nhân hóa, trong

đó giảng viên hoặc hệ thống hỗ trợ có thể giúp sinh viên xây dựng lộ trình học tập phù hợp với năng lực và mục tiêu cá nhân. Việc nâng cao năng lực tự học không chỉ giúp sinh viên thích ứng tốt hơn với môi trường số mà còn góp phần phát triển động cơ học tập nội tại, phù hợp với yêu cầu phát triển con người toàn diện theo Nghị quyết 71.

Thứ ba, từ góc độ tâm lý học đường, việc thiết lập các cơ chế hỗ trợ tâm lý trong môi trường học tập số là hết sức cần thiết. Trong bối cảnh sinh viên phải đối mặt với áp lực công nghệ, quá tải thông tin và sự suy giảm tương tác xã hội, các dịch vụ tư vấn tâm lý, đặc biệt là tư vấn trực tuyến, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên duy trì trạng thái tinh thần tích cực. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm dựa trên dữ liệu học tập, chẳng hạn như tần suất đăng nhập, kết quả học tập hoặc mức độ tham gia hoạt động học tập, sẽ giúp phát hiện kịp thời những sinh viên có nguy cơ gặp khó khăn để có biện pháp hỗ trợ phù hợp. Những giải pháp này không chỉ góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực về mặt tâm lý mà còn tăng cường sự gắn kết giữa sinh viên và nhà trường.

Cuối cùng, về phương diện quản lý đào tạo, cần có sự chuyển đổi mạnh mẽ về vai trò và phương thức hoạt động của phòng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số. Thay vì chỉ thực hiện các chức năng quản lý hành chính, phòng đào tạo cần trở thành trung tâm điều phối và hỗ trợ trải nghiệm học tập của sinh viên. Điều này đòi hỏi việc ứng dụng dữ liệu trong quản lý, từ phân tích hành vi học tập đến dự báo xu hướng, nhằm đưa ra các quyết định kịp thời và chính xác. Đồng thời, cần tăng cường tính linh hoạt trong tổ chức đào tạo, cho phép cá nhân hóa lộ trình học tập và tạo điều kiện để sinh viên phát huy tối đa năng lực của mình. Sự chuyển đổi này không chỉ phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị giáo dục theo Nghị quyết 57 mà còn góp phần thực hiện mục tiêu lấy người học làm trung tâm theo tinh thần Nghị quyết 71.

Tổng thể, các giải pháp đề xuất cho thấy chuyển đổi số trong giáo dục đại học không thể chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ, mà cần được tiếp cận như một quá trình thay đổi toàn diện, trong đó yếu tố con người giữ vai trò trung tâm. Việc kết hợp hài hòa giữa công nghệ, phát triển năng lực người học và đổi mới quản lý sẽ là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến trong giai đoạn hiện nay.

### III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, việc triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học là một xu thế tất yếu, phù hợp với định hướng chiến lược của Việt Nam được thể hiện trong Nghị quyết số 57 về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng quá trình chuyển đổi này không đơn thuần là sự thay thế các công cụ quản lý truyền thống bằng nền tảng công nghệ, mà thực chất là một quá trình tái cấu trúc toàn diện hệ thống giáo dục, trong đó hành vi và tâm lý học tập của sinh viên là yếu tố trung tâm cần được quan tâm đúng mức.

Thực tiễn triển khai tại các trường đại học hiện nay cho thấy, mặc dù các hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính minh bạch và mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục, song vẫn tồn tại những hạn chế đáng kể như sự phân mảnh hệ thống, thiếu đồng bộ dữ liệu và chưa chú trọng đến trải nghiệm người học. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành mà còn tác động tiêu cực đến tâm lý học tập của sinh viên, biểu hiện qua áp lực công nghệ, quá tải nhận thức và sự suy giảm kết nối xã hội. Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó, khi quá trình chuyển đổi số vẫn đang ở giai đoạn chuyển tiếp từ số hóa sang chuyển đổi số thực chất.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng hiệu quả của hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến không phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ hiện đại của công nghệ, mà phụ thuộc chủ yếu vào khả năng tích hợp giữa công nghệ với yếu tố con người và mô hình quản lý. Điều này đặt ra yêu cầu cần có cách tiếp cận tổng thể, trong đó công nghệ đóng vai trò công cụ, con người là trung tâm và quản lý là yếu tố điều phối.

Trên cơ sở đó, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo đối với các cơ sở giáo dục đại học trong quá trình triển khai chuyển đổi số. Thứ nhất, chuyển đổi số cần được thực hiện theo hướng hệ thống và đồng bộ, tránh tình trạng triển khai rời rạc, manh mún; việc xây dựng hệ sinh thái số tích hợp không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý mà còn góp

phần giảm tải nhận thức và ổn định tâm lý cho người học. Thứ hai, phát triển năng lực số và năng lực tự học của sinh viên là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số thành công; nếu người học không được trang bị đầy đủ kỹ năng, công nghệ có thể trở thành nguồn gây áp lực thay vì là công cụ hỗ trợ. Thứ ba, cần đặc biệt quan tâm đến yếu tố tâm lý học đường trong môi trường số, thông qua việc thiết lập các cơ chế hỗ trợ và cảnh báo sớm, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và nâng cao sự gắn kết của sinh viên với nhà trường. Thứ tư, đổi mới quản lý đào tạo theo hướng lấy người học làm trung tâm và dựa

trên dữ liệu là xu hướng tất yếu; phòng đào tạo cần chuyển từ vai trò quản lý hành chính sang vai trò hỗ trợ, dẫn dắt và tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên.

Tổng thể, chuyển đổi số trong giáo dục đại học chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được triển khai như một quá trình đổi mới toàn diện, trong đó công nghệ, con người và quản lý được kết hợp hài hòa. Đây cũng chính là con đường để các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu trong nước

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2021). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội.
- Bộ Chính trị. (2023). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh mới*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2018). *Tâm lý học giáo dục*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Kiểm. (2016). *Quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Minh Hạc. (2017). *Một số vấn đề tâm lý học hiện đại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Lê Văn Hào. (2020). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo đại học*. Tạp chí Giáo dục, 482, 12–16.
- Nguyễn Văn Cường & Bernd Meier. (2019). *Lý luận dạy học hiện đại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### Tài liệu quốc tế

- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *Psychological Inquiry*, 11(4), 227–268. [https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104\\_01](https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104_01)
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319–340. <https://doi.org/10.2307/249008>
- Sweller, J. (1988). Cognitive load during problem solving: Effects on learning. *Cognitive Science*, 12(2), 257–285. [https://doi.org/10.1207/s15516709cog1202\\_4](https://doi.org/10.1207/s15516709cog1202_4)
- Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. *MIS Quarterly*, 27(3), 425–478.
- Bandura, A. (1997). Self-efficacy: The exercise of control. *New York, NY: Freeman*.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory Into Practice*, 41(2), 64–70.
- OECD. (2020). Education in the digital age: Healthy and happy children. *Paris: OECD Publishing*.
- UNESCO. (2021). Reimagining our futures together: A new social contract for education. *Paris: UNESCO*.